

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23/2023/DS-ST**

Ngày: 13 - 6 - 2023

V/v tranh chấp: *quyền đòi lại
tài sản giữa vợ chồng ông V,
bà P và bà T.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Trường**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Tài**
2. Bà **Đỗ Thị Thương Huyền**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Anh Vương** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày **13** tháng **6** năm **2023** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 178/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về quyền đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Vợ chồng ông **Trương Hoàng V**, sinh năm: 1970 và bà **Lê Thị P**, sinh năm: 1976. Địa chỉ: Thôn 10C, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (*có mặt*).

* *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị T**, sinh năm: 1991. Địa chỉ: Số 52 đường Lương Thế Vinh, Tổ 14, Thị trấn N, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (*có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 10 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn vợ chồng ông Trương Hoàng V, bà Lê Thị P trình bày:

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 vợ chồng ông V, bà P có nhờ bà T làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với giá là 145.000.000đ và hứa hẹn trong thời gian 60 ngày sẽ làm xong. Vợ chồng ông V, bà P đã đưa trước cho bà T số tiền 74.000.000đ, số tiền còn lại hẹn khi nào làm xong sẽ đưa hết. Hai bên có lập giấy biên nhận. Quá ngày hẹn vợ chồng ông V, bà P có đòi

bà T nhiều lần nhưng bà T nói chưa làm xong và không trả lại số tiền đã nhận.

Đến ngày 06 tháng 9 năm 2022 Ủy ban nhân dân xã L trả kết quả về hồ sơ cấp sổ không làm được, vợ chồng ông V, bà P có gặp bà T để thỏa thuận nhưng bà T hứa trả lại tiền nếu không làm được sổ nhưng đến nay bà T vẫn chưa trả. Tại phiên tòa hôm nay, vợ chồng ông V, bà P cho rằng sau khi nhận sổ đỏ, bà T có nộp hồ sơ vào bộ phận một cửa của UBND xã L nhưng không tác động gì cho nên đến ngày 06/9/2022 hồ sơ đã bị trả lại và bà T đã vi phạm thời hạn thỏa thuận và không làm được sổ mới cho vợ chồng ông V, bà P. Vì vậy, vợ chồng ông V, bà P đồng ý trừ cho bà T tiền xăng xe đi lại để nộp hồ sơ là 14.000.000đ và chỉ yêu cầu bà T phải trả lại số tiền 60.000.000đ, không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 bà T có nhận làm hồ sơ cấp đổi 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông V, bà P với giá là 145.000.000đ, thời hạn 60 ngày sẽ làm xong. Vợ chồng ông V, bà P đã đưa trước cho bà T số tiền 74.000.000đ, số tiền còn lại hẹn khi nào làm xong sổ sẽ đưa hết. Hai bên có lập giấy biên nhận. Nhưng trong quá trình làm sổ thì phát hiện đất bị cấp trùng lần nên quá thời hạn thỏa thuận bà T chưa làm được sổ.

Sau đó bà T có vào Ủy ban nhân dân xã L ký lại hồ sơ và đã đưa giấy hẹn cho vợ chồng ông V, bà T để tự lấy kết quả và tự mình đi nộp hồ sơ làm sổ mới. Nay vợ chồng ông V, bà P đã làm được sổ. Nên vợ chồng ông V, bà P yêu cầu bà T phải trả lại số tiền 60.000.000đ thì bà T không đồng ý.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn vợ chồng ông Trương Hoàng V, bà Lê Thị P có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Vợ chồng ông Trương Hoàng V, bà Lê Thị P có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về việc “*Tranh chấp về quyền đòi lại tài sản*” với bà Phạm Thị T. Theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về nội dung:

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 giữa vợ chồng ông V, bà P và bà T có thỏa thuận làm hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông V, bà P với giá là 145.000.000đ, thời hạn 60 ngày. Vợ chồng ông V, bà P đã đưa trước cho bà T số tiền 74.000.000đ, số tiền còn lại hẹn khi nào làm xong sổ sẽ đưa hết. Hết thời hạn thỏa thuận, bà T chưa làm xong nên vợ chồng ông V, bà P yêu cầu bà T phải trả lại số tiền đã nhận nhưng bà T không đồng ý nên hai bên đã xảy ra tranh chấp.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của đương sự thì thấy rằng: Việc vợ chồng ông V, bà P và bà T có thỏa thuận về việc làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có thật. Theo thỏa thuận thì bà T nhận làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông V, bà P với số tiền là 145.000.000đ. Ngày 31/3/2022 vợ chồng ông V, bà P đã giao cho bà T số tiền 74.000.000đ, số còn lại sẽ trả hết sau khi làm xong thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thời gian thực hiện là 60 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ.

Sau khi thỏa thuận xong, bà T đã nộp hồ sơ vào UBND xã L để làm thủ tục cấp đổi nhưng UBND xã L đã trả lại hồ sơ cho ông V và ông Bàn Văn H với lý do có một phần diện tích đất khoảng 5.400m² đã được cấp cho cả hai chủ sử dụng. Vì vậy, bà T đã vi phạm thời gian đã thỏa thuận và không làm được sổ mới cho vợ chồng ông V, bà P. Bà T thì cho rằng sau khi bị trả lại hồ sơ thì bà vẫn tiếp tục làm xong thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận và đã đưa giấy hẹn cho vợ chồng ông V, bà P để tự đi nộp hồ sơ cấp đổi và sau đó đã tự nhận kết quả cấp đổi giấy chứng nhận xong nhưng bà T lại không có chứng cứ gì để chứng minh quá trình bà T thực hiện thủ tục cấp đổi sổ đỏ cho vợ chồng ông V, bà P. Vì vậy, vợ chồng ông V, bà P đồng ý trừ cho bà T tiền xăng xe đi lại để nộp hồ sơ là 14.000.000đ và chỉ yêu cầu bà T phải trả lại số tiền 60.000.000đ. Yêu cầu này của vợ chồng ông V, bà P là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất: Vợ chồng ông V, bà P không yêu cầu nên không xem xét.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông V, bà P; Buộc bà T phải trả lại cho vợ chồng ông V, bà P số tiền 60.000.000đ.

[3] Về án phí: Vụ kiện có giá ngạch, buộc bà T phải nộp 3.000.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Vợ chồng ông V, bà P không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 166 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Trương Hoàng V, bà Lê

Thị P đối với bà Phạm Thị T về việc “*Tranh chấp về quyền đòi lại tài sản*”.

Buộc bà Phạm Thị T phải trả lại cho vợ chồng ông Trương Hoàng V, bà Lê Thị P số tiền 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2/ Về án phí: Vụ kiện có giá ngạch, buộc bà Phạm Thị T phải chịu 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vợ chồng ông Trương Hoàng V, bà Lê Thị P không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Vợ chồng ông Trương Hoàng V, bà Lê Thị P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.850.000đ (*Một triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009655 ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/6/2023), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhân:

- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Trường

